

Tạp chí

CÔNG DAN
& KHUYẾN HỌC

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA HỘI KHUYẾN HỌC VIỆT NAM

Day và Học

NGÀY NAY

TODAY'S TEACHING & LEARNING MAGAZINE

ISSN 2851 - 5769

THÁNG 08/2022

■ **TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG:
GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN**

HO CHI MINH THOUGHT ON PARTY BUILDING:
THEORETICAL AND PRACTICAL VALUES

VŨ THỊ THÙY

■ **NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN
CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC HIỆN NAY**

IMPROVE THE QUALITY OF SCIENTIFIC RESEARCH OF STUDENTS
OF CURRENT UNIVERSITIES

TRƯƠNG THỊ THÚY - TRẦN THỊ THU HẰNG

■ **SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC RÈN LUYỆN TƯ DUY PHẢN BIỆN TRONG HỌC TẬP
CHO SINH VIÊN**

THE NECESSITY OF TRAINING CRITICAL THINKING IN LEARNING
FOR STUDENTS TODAY

NGUYỄN THỊ YẾN

■ **MÔ HÌNH TRUNG TÂM HỌC TẬP CỘNG ĐỒNG TRONG VIỆC XÂY DỰNG
NÔNG THÔN MỚI CỦA TỈNH THÁI BÌNH**

MODEL OF COMMUNITY LEARNING CENTER IN THE NEW RURAL CONSTRUCTION
OF THAI BINH PROVINCE

BÙI TRỌNG TRÂM

Học Học nữa Học mãi!



THÁNG 8/2022

TỔNG BIÊN TẬP
Tô Quang Phán

BAN TẬP CHÍ IN
TRƯỞNG BAN
Phạm Huệ

PHÓ BAN
Nguyễn Thị Bình

TRÌNH BÀY
Ngô Tráng Kiện
Mạnh Hùng

Tạp chí
**CỘNG ĐÀN
& KHUYẾN HỌC**
CƠ QUAN NHŐN LUẬN CỦA HỘI KHUYẾN HỌC VIỆT NAM

Đạy và Học NGÀY NAY

MỤC LỤC/ CONTENTS

- **Nguyễn Văn Khải:** Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục - đào tạo ở các trường đại học ở nước ta hiện nay/ *Application of information technology in education - training in universities of our country today* 58
- **Nguyễn Trung Kiên:** Vai trò của khoa học và công nghệ đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta hiện nay/ *The role of science and technology for industrialization and modernization in our country today* 60
- **Nguyễn Thị Hương - Trần Thị Thu Nga:** Nâng cao hiệu quả kỹ năng đọc hiểu tiếng Anh cho học viên Trường Đại học Kỹ thuật - Hậu cần Công an nhân dân/ *Effectively improve english reading comprehension skills for students at the university of technology - logistics people's public security* 63
- **Lò Ngọc Long:** Giảng dạy giáo dục thể chất ở Trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên/ *Teaching physical education in dienbien teacher training college* 66
- **Phan Sinh:** Tình hình thể dục thể thao ngoại khóa của nữ sinh viên Trường Đại học Vinh/ *The situation of extracurricular sports of female students at Vinh University* 68
- **Nguyễn Thị Cường:** Giải pháp nâng cao kỹ năng nói và viết tiếng Anh cho học viên đào tạo ngành Quân sự cơ sở tại Trường Quân sự Quân khu 5/ *Solutions to improve English speaking and writing skills for junior military trainees at Military School of Military Region 5* 71
- **Trần Hồng Vân - Nguyễn Quỳnh Trang:** Giải pháp nâng cao kỹ năng nghe hiểu trong tiếng Anh cho học viên Trường Đại học Kỹ thuật - Hậu cần Công an nhân dân/ *Solutions to improve listening comprehension skills in english for students of the university of technology - logistics people's public security* 73
- **Hoàng Văn Mạnh:** Một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị trước khi huấn luyện điều lệnh đội ngũ ở Học viện Cảnh sát nhân dân/ *Some solutions to improving the quality of preparatory work before training drill and ceremony in the current police academy* 76
- **Vũ Quang Duy:** Yêu cầu nâng cao chất lượng thực luyện, thông qua, giảng thử trong đào chiến thuật ở Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân 1/ *Requirements to enhance the quality of training, performance, teaching in tactical training in people's police college 1* 78
- **Đoàn Thị Như Xuân:** Giải pháp tăng cường tính ứng dụng của các môn Toán giảng dạy tại Trường Đại học Kỹ thuật - Hậu cần Công an nhân dân/ *Solutions to enhance the applicability of math subjects taught at the people's public security university of technology and logistics* 79
- **Phan Mi Lan:** Ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới phương pháp dạy học ngoại ngữ ở Học viện An ninh nhân dân/ *Application of information technology in innovation methods for teaching foreign languages in people's security academy* 81
- **Nguyễn Thị Thu Hà:** Vai trò của đội ngũ trí thức lý luận chính trị ở Việt Nam hiện nay/ *The role of political theorists in vietnam today* 84

• Tòa soạn: Tòa nhà TueMy, số 29/67 Đỗ Quang, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

• Điện thoại: 0983081976

Địa chỉ thư điện tử: dvh_nn@yahoo.com

• Giấy phép xuất bản: Số 114/GP-BTTTT do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp ngày 25/02/2022

Giá: 38.000 đ

TÌNH HÌNH THỂ DỤC THỂ THAO NGOẠI KHÓA CỦA NỮ SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

PHAN SINH

Trưởng Đại học Vinh

Ngày nhận bài: 12/07/2022; Ngày phản biện, biên tập và sửa chữa: 25/07/2022; Ngày duyệt đăng: 03/08/2022

ABSTRACT

Extracurricular activities of students, especially girls, are an important form of physical education. In order to propose solutions to improve the effectiveness of this activity, the study conducted a survey to assess the current situation of students' needs and organization of extracurricular activities at Vinh University.

Key words: Sports, extracurricular activities, students, Vinh University.

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đề hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục thể chất (GDTC) trong trường Đại học nói chung và nâng cao thể lực cho nữ sinh viên (SV) nói riêng, ngoài việc thực hiện nghiêm túc và có chất lượng giờ học nội khóa - hình thức cơ bản và chủ yếu của GDTC nhà trường, một hình thức GDTC rất quan trọng và không thể thiếu trong nhà trường là tiến hành thể dục thể thao (TDTT) ngoại khóa. Vậy thực trạng TDTT ngoại khóa của SV Đại học, đặc biệt là nữ sinh ra sao? Trả lời câu hỏi đó cần phải khảo sát tình hình TDTT ngoại khóa của nữ SV Đại học. Đó là vấn đề cần được tiến hành nghiên cứu để có những giải pháp cần thiết đẩy mạnh hoạt động này trong nữ sinh.

Giải quyết mục tiêu kể trên, chúng tôi khảo sát trên 2 vấn đề sau:

1. Tình hình tập luyện TDTT ngoại khóa của nữ SV Đại học Vinh.

2. Tình hình tổ chức tập luyện TDTT ngoại khóa trong của nữ SV Đại học Vinh.

Để tìm hiểu 2 vấn đề nêu ra chúng tôi đã sử dụng các phương pháp như đọc và phân tích tài liệu, quan sát sự phạm, phỏng vấn và toán học thống kê, trong đó phương pháp phỏng vấn và toán học thống kê là hai phương pháp được vận dụng xuyên suốt trong quá trình nghiên cứu.

Đối tượng nghiên cứu chủ yếu là 1.044 nữ SV từ năm thứ nhất đến năm thứ tư thuộc các khóa 58 với 277 người, khóa 59 với 257 người, khóa 60 với 260 người và khóa 61 với 250 người của trường Đại học Vinh. Thời gian nghiên cứu 2019 đến 2020.

B. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

I. TÌNH HÌNH TẬP LUYỆN TDTT NGOẠI KHÓA CỦA NỮ SV ĐẠI HỌC VINH

1. Về tình hình tập luyện TDTT ngoại khóa thường xuyên

Các khóa	Rất thường xuyên		Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Không bao giờ		P	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
IV (n=277)	0	0	5	18.05	200	72.20	27	9.75	39.20	<0.001
III (n= 257)	35	13.62	71	27.63	143	55.64	8	3.11	51.65	<0.001
II (n=260)	5	1.92	40	15.38	209	80.38	6	2.31	23.01	<0.01
I (n=250)	8	3.20	97	38.80	142	56.80	3	1.20	30.05	<0.001
Tổng (n=1044)	48	4.6	258	24.71	694	24.71	44	4.21		

Bảng 1: Tình hình tập luyện TDTT ngoại khóa của nữ SV

Bảng 1 giới thiệu toàn cảnh về tình thường xuyên tập luyện TDTT ngoại khóa của nữ sinh Đại học Vinh. Các số liệu ở bảng 1 chỉ rõ tập luyện TDTT ngoại khóa chưa trở thành một tập quán trong nữ sinh. Tỷ lệ SV thỉnh thoảng mới tập không phải là ít (66,47%), đặc biệt ở năm thứ 4 và năm thứ 2 với tỷ lệ tương ứng là 72,2% và 80,34%. Điều đó có thể là do năm thứ 2

và thứ 4 học tập căng thẳng gây nên. Sự khác biệt được khẳng định qua chỉ số với $P < 0,01$ - $P < 0,001$. Một điều đáng quan tâm là số nữ sinh không bao giờ tập luyện TDTT ngoại khóa càng học lên cao chiếm tỷ lệ càng nhiều hơn (năm thứ nhất chỉ có 1,2%, năm thứ 4 lên tới 9,75%).

2. Về số buổi tập TDTT ngoại khóa trong tuần của nữ sinh

Các khóa	1 buổi		2 buổi		3 buổi		4 buổi		> buổi		P	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
IV (n=277)	48	17.33	80	28.88	52	18.77	30	10.83	67	24.49	16.61	<0.05
III (n= 257)	39	15.17	54	20.91	91	25.41	25	9.73	48	18.68	10.01	<0.05
II (n=260)	31	11.92	62	23.85	88	33.85	45	17.31	34	13.08	16.62	<0.05
I (n=250)	14	5.60	71	28.40	65	26.00	28	11.20	72	28.80	18.18	<0.05
Tổng (n=1044)	132	12.64	267	25.57	296	28.35	128	12.26	221	21.17		

Bảng 2: Số buổi tập ngoại khóa trong tuần của nữ sinh

Bảng 2 chỉ ra rằng đa phần nữ sinh tham gia tập luyện TDTT ngoại khóa 2 - 3 buổi/tuần, chiếm tỷ lệ hơn 1/2 (53,92%). Trong đó số nữ sinh tập 4 lần/tuần trở lên chiếm trên 1/3 (33,43%). Số nữ sinh 1 buổi/tuần chiếm tỷ lệ ít hơn (12,64%) và có xu

thế gia tăng theo năm học: năm thứ nhất chỉ có 5,6%, còn năm thứ 4 gấp hơn 3 lần (17,33%). Dù sao tập tuần bao nhiêu buổi trong các khóa cũng chỉ là ngẫu hứng mà thôi (P>0,05).

3. Về số năm tập luyện TDTT ngoại khóa của nữ sinh

Các khóa	1 năm		2 năm		< 2 năm		2 năm		> 3 năm		P	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
IV (n=277)	25	9.02	50	18.04	2	0.72	86	31.05	114	41.15	16.41	<0.05
III (n= 257)	23	8.95	74	28.79	0	0	60	23.35	100	38.91	18.35	<0.05
II (n=260)	17	6.54	45	17.31	0	0	98	37.69	100	38.46	30.67	<0.001
I (n=250)	139	55.60	47	18.80	27	10.80	9	3.60	28	11.20	137.74	<0.001
Tổng (n=1044)	204	19.54	216	20.69	29	2.78	253	24.33	342	32.76		

Bảng 3: Số năm tập luyện ngoại khóa TDTT của nữ sinh

Vấn đề tập luyện TDTT thường xuyên và biến nó trở thành thói quen luyện tập suốt đời trở thành một trong những mục tiêu cơ bản của TDTT trường học. Những số liệu bảng 3 cho thấy có trên 57% số nữ đã có thời gian tập luyện TDTT ngoại khóa từ 2 năm trở lên. Số tập một năm trở xuống cũng chiếm tỷ lệ không nhỏ (40,23%) mà đa phần năm thứ nhất (74,4%). Lưu ý rằng ngoại trừ năm thứ 4 có số năm tập luyện ngoại khóa tương đối trải đều (P>0,05), ở ba khóa còn lại sự khác biệt về số năm tập ngoại khóa giữa các nữ sinh có ý nghĩa thống kê (P<0,05 - P, 0,001). Hơn thế nữa nữ sinh học càng lên cao thì số năm tập ngoại khóa từ 3 năm trở lên chiếm tỷ lệ càng nhiều (11,2% ở năm thứ nhất đến 41,15% ở năm thứ tư) chứng tỏ ý thức tập TDTT ngoại khóa đã được gia tăng cùng với những năm tháng ngồi trên ghế nhà trường.

II. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC TẬP LUYỆN TDTT NGOẠI KHÓA CỦA NỮ SV ĐẠI HỌC VINH

1. Về điều hành TDTT ngoại khóa của nữ sinh viên

Tình hình điều hành tập luyện TDTT ngoại khóa được trình bày ở Bảng 4. Những số liệu ở Bảng 4 chứng tỏ tỷ lệ số nữ sinh trong điều kiện tập ngoại khóa không có người hướng dẫn hoặc có người hướng dẫn không đều, kết hợp với nhau chiếm ưu thế với tỷ lệ tương ứng là 46,96%. Việc tổ chức tập luyện với sự điều hành khác nhau này là có ý nghĩa thống kê với các năm trên (P < 0,001), nhưng chỉ là ngẫu nhiên với năm thứ nhất và năm thứ hai (P > 0,05). Điều đó có thể là do những năm cuối không còn giờ giáo dục thể chất mà chỉ tập tự nguyện là chính.

Bảng 4. Tình hình điều hành TDTT ngoại khóa của nữ sinh

Các khóa	Không người hướng dẫn		Có người hướng dẫn		Có người hướng dẫn không đều		P	
	SL	%	SL	%	SL	%		
IV (n=277)	90	32.49	17	6.14	176	61.37	34.35	<0.001
III (n= 257)	125	48.64	60	23.35	72	28.02	58.34	<0.001
II (n=260)	126	48.46	20	7.69	114	43.85	2.07	<0.05
I (n=250)	137	54.80	10	4.0	103	41.20	14.40	<0.05
Tổng (n=1044)	478	46.65	107	10.25	459	43.46		

2. Về hình thức tập luyện TDTT ngoại khóa của nữ sinh viên

Nói chung các hình thức tập luyện (bảng 5) phổ biến nhất là tự tập (31,8%), tập theo nhóm (28,35%) và tập thể dục sáng (26,24%). Lưu ý rằng tự tập luyện có số người tập luyện tương

đương với tập luyện không người hướng dẫn (mục 2.1). Các hình thức khác có số người tham gia tập luyện ít hơn, đặc biệt là tỷ lệ tập luyện ở câu lạc bộ (1,82%). Nói chung các hình thức tập luyện là rất đa dạng, phong phú (P > 0,05).

Bảng 5. Các hình thức tập luyện ngoại khóa của nữ sinh

Các khóa	Tự tập		Theo nhóm		T.D sáng		Câu lạc bộ		> buổi		P	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
IV (n=277)	72	26.00	94	33.93	58	20.94	9	31.25	44	15.88	16.23	<0.05
III (n= 257)	87	33.85	67	26.07	83	32.30	5	1.94	15	5.84	11.93	<0.05
II (n=260)	95	36.54	71	27.31	66	25.38	0	0	27	10.38	7.14	<0.05
I (n=250)	78	31.20	64	25.60	67	26.80	5	2.0	36	11.04	2.34	<0.05
Tổng (n=1044)	332	31.80	296	28.35	274	26.24	19	1.82	122	11.69		

3. Về thời điểm tập luyện TDTT ngoại khóa của nữ sinh viên

Tình hình tập luyện TDTT ngoại khóa trong ngày được trình bày ở Bảng 6. Có thể nói đa phần nữ sinh đều tập ngoại khóa vào sáng sớm (67,62%), thứ đến là tập vào buổi chiều sau khi

tan học (21,07%). Mức độ tham gia tập luyện vào các thời điểm khác nhau, ngoại trừ năm thứ tư, còn ở các năm khác đều mang ý nghĩa thống kê P < 0,05 - P < 0,001). Đây là do năm thứ tư sinh viên phải làm đồ án nên kế hoạch về thời gian cơ bản là do sinh viên tự quản lý.

Bảng 6. Thời điểm tập TDDT ngoại khoá của nữ sinh

Các khóa	Sáng sớm		Chiều		Tối		P	
	SL	%	SL	%	SL	%		
IV (n=277)	174	62.82	61	22.02	42	15.16	4.72	<0.05
III (n= 257)	147	57.20	65	25.29	45	17.51	15.06	<0.05
II (n=260)	180	64.23	70	26.92	10	3.85	17.11	<0.01
I (n=250)	205	82.00	24	96.00	21	8.40	25.12	<0.001
Tổng (n=1044)	706	67.62	220	21.07	118	11.30		

C. KẾT LUẬN

Từ những nghiên cứu trên có thể rút ra mấy kết luận sau đây:

1. Tình hình tập luyện TDDT ngoại khóa nói chung là không thường xuyên và chưa trở thành thói quen trong nữ sinh viên Đại học Vinh. Số buổi tập luyện ngoại khóa không được đồng nhất, nhưng đa phần được tiến hành 2 - 3 buổi/tuần. Đặc biệt càng học lên tỷ lệ nữ sinh tham gia tập luyện ngoại khóa càng nhiều và ngược lại số không tập luyện ngoại khóa cũng theo đó mà gia tăng.

2. Tổ chức tập luyện TDDT ngoại khóa của nữ sinh Đại học

Vinh về cơ bản là rất đa dạng theo sở thích và tùy thuộc hoàn cảnh điều kiện của nữ SV. Nó chưa được tổ chức và quản lý chặt chẽ và cụ thể; tập cái gì, mỗi buổi tập bao nhiêu thời gian, tuần mấy buổi tập, tập theo hình thức nào, từng năm học tập nội dung gì... nói chung còn tản mạn, chưa gây thành phong trào có định hướng trong nữ sinh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Lê Văn Lãm và tập thể tác giả (2000), Thực trạng phát triển thể chất của học sinh sinh viên trước thềm Thế kỷ XXI. Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội.

YÊU CẦU NÂNG CAO...

(Tiếp theo trang 78)

ứng dụng nhằm phát huy tính tích cực, tự giác, sáng tạo của học viên nhằm biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo. Trong đào tạo giảng viên chiến thuật của Nhà trường cần cập nhật, chọn lọc những nội dung và phương pháp mới để nâng cao chất lượng đào tạo. Tập trung ứng dụng các thành tựu của khoa học công nghệ, sự phát triển của NTQS vào tiến hành thực hiện các bài tập PPHL để nâng cao chất lượng đào tạo giảng viên chiến thuật của Nhà trường.

IV. PHÁT HUY VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM CỦA GIẢNG VIÊN; TÍNH TÍCH CỰC, CHỦ ĐỘNG, SÁNG TẠO CỦA HỌC VIÊN

Nâng cao chất lượng thực luyện, thông qua, giảng thử trong đào tạo giảng viên chiến thuật trước hết là phát huy vai trò chủ thể giảng viên và học viên. Đây là mối quan hệ song trùng, trực tiếp quyết định đến chất lượng GD-ĐT của Nhà trường nói chung và chất lượng đào tạo giảng viên chiến thuật nói riêng.

Phát huy vai trò trách nhiệm của giảng viên chính là nêu cao tính gương mẫu, tận tâm với nghề, với học viên, với sự nghiệp GD-ĐT. Trong quá trình tiến hành các bài tập về nghiệp vụ sư phạm, giảng viên đóng vai trò vô cùng quan trọng, trực tiếp hướng dẫn, giúp đỡ cho học viên tiếp thu kiến thức. Nếu giảng viên có tinh thần trách nhiệm cao, tận tâm với công việc, với học viên, truyền đạt toàn bộ những kiến thức, kinh nghiệm của bản thân cho học viên; tổ chức thực luyện, thông qua, giảng thử chặt chẽ thì chất lượng tiến hành các bài tập PPHL sẽ không ngừng được nâng lên. Ngược lại, nếu giảng viên tinh thần trách nhiệm không cao, tổ chức và duy trì thời gian các bài tập sư phạm không chặt chẽ thì chất lượng đào tạo sẽ không đạt được mục đích, yêu cầu đặt ra. Khi giảng viên tâm huyết với nghề, thì học viên sẽ tự ý thức được sự cần thiết của việc tự rèn luyện, tự tu dưỡng từ đó xây dựng động cơ, trách nhiệm, tự giác để hoàn thành tốt các nội dung bài tập. Tuy nhiên, giảng viên là người định hướng, tận tình hướng dẫn học viên, không được làm thay, bầy sẵn cho học viên.

Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của giảng viên chiến thuật là phát huy, khơi dậy tiềm năng trong mỗi học viên, do đó đòi hỏi giảng viên phải biết khơi dậy, bồi dưỡng và phát triển khả năng

tư duy độc lập. Chủ động, tích cực làm mọi công tác chuẩn bị, tích cực thực luyện, thông qua nội dung và tích cực luyện tập sau khi giảng viên kết luận. Đồng thời, học viên phải biết cách tự tìm tòi, tự nghiên cứu, mạnh dạn đề xuất cách giải quyết các vấn đề đặt ra theo quan điểm, nhận thức của bản thân, biết tranh luận bằng luận cứ khoa học để bảo vệ các quan điểm đúng đắn, phù hợp. Kiên quyết chống các biểu hiện ngại khó, ngại khổ, ngại rèn loại bỏ những quan điểm sai trái, không phù hợp giúp học viên tự tiếp thu, lĩnh hội tri thức một cách chủ động, hiệu quả nhất.

Để nâng cao chất lượng đào tạo giảng viên chiến thuật, trong quá trình thực luyện, thông qua, giảng thử giảng viên phải tuân thủ nghiêm ngặt các bước trong công tác chuẩn bị huấn luyện. Trong đó, tập trung nâng cao chất lượng các bước như: biên soạn bài giảng, KHGB và các văn kiện kèm theo; thực luyện và thông qua bài giảng; thực hành giảng thử theo kết luận mẫu của giảng viên. Thực hiện sai đâu, sửa đấy; chú trọng rèn toàn diện từ vấn đề nền chắc và làm chủ nội dung đến vận dụng PPHL phù hợp với từng bài (đề mục) huấn luyện. Đó là những bước có ý nghĩa quyết định đến chất lượng đào tạo giảng viên chiến thuật của Nhà trường.

Giảng viên sư phạm phải có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống trong sạch, lành mạnh, giản dị; có trình độ kiến thức và năng lực tốt về chuyên môn, vững vàng về nghiệp vụ là tiền đề để trang bị kiến thức, kỹ năng sư phạm. Giảng viên vừa là người trực tiếp hướng dẫn, điều khiển hoạt động và trang bị kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo cho học viên vừa là người đánh giá, nhận xét và nghiệm thu kết quả.

Cán bộ đơn vị chủ động, kịp thời nắm chắc tình hình mọi mặt. Vừa phát huy vai trò quản lý, vừa phát huy vai trò trợ giáo chặt chẽ lo mọi mặt đến học viên là góp phần quan trọng nâng cao chất lượng thực luyện, thông qua, giảng thử của giảng viên chiến thuật Trường Cao đẳng Cảnh sát Nhân dân I.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1, 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Dương Thị Thúy Hà (2021), Phát triển kỹ năng tự đánh giá kết quả học tập cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm, Luận án Tiến sĩ KHGD, Hà Nội.